TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2019/HS-ST
Ngày 19 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Ngọc Thương.

2. Bà Hoàng Thị Lê Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019, đối với:

Bị cáo: Phạm Thị Hoài N, sinh ngày 03/8/2000, tại tỉnh Long An. HKTT: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Võ Thị M; chồng, con: không có; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 24/12/2018. (có mặt)

Bị hại: Anh Nguyễn Quang K, sinh năm 1984. Địa chỉ: 149/98 đường N, P9, Q8, TP. Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn L, sinh năm 1993. Địa chỉ: phường T, TP. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

- Anh Nguyễn B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Quốc lộ 55, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 08/12/2018 Phạm Thị Hoài N có thuê phòng số 9 nhà nghỉ P ở khu A, P, TP. V để nghỉ. Đến khoảng 00 giờ ngày 09/12/2018, khi đi ngang qua

phòng số 3 do anh Nguyễn Quang K thuê trọ, N thấy có nhiều tài sản và lợi dụng lúc anh K ngủ say nên N đã vào phòng và lấy của anh K 01 điện thoại Samsung Note 9; 01 laptop nhãn hiệu Acer và 01 sổ hộ chiếu mang tên Nguyễn Quang K. Sau khi lấy được tài sản, N đem bán chiếc điện thoại cho anh Trần Văn L chủ tiệm điện thoại L tại phường T, TP. V với giá 4.800.000đ, còn laptop N bán cho một người lái xe ôm không rõ nhân thân lai lịch trên đường H, P2, TP. V với giá là 1.000.000đ. Riêng sổ hộ chiếu, ngày 21/12/2018 sau đó N sử dụng để thuê phòng tại nhà nghỉ D địa chỉ phường T, TP. V.

Sau khi mua chiếc điện thoại trên, anh L đã bán cho anh Nguyễn B với giá là 12.000.000. Cơ quan điều tra đã thu hồi điện thoại và hộ chiếu giao trả cho anh K; riêng chiếc laptop không thu hồi được.

Tại kết luận định giá trị tài sản số 262/KL-HĐĐG-TTHS ngày 26/12/2018 của Hội đồng định giá UBND TP. V xác định 01 chiếc ĐTDĐ Samsung Note 9 trị giá là 13.500.000đ; 01 laptop hiệu Acer trị giá 1.500.000đ, tổng cộng là 15.000.000đ.

Đối với anh Nguyễn B và anh Trần Văn L không biết tài sản do N trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKSTPVT ngày 18/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Phạm Thị Hoài N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận tòan bộ hành vi phạm tội của mình, không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Anh Nguyễn Quang K và bị cáo thỏa thuận, bị cáo bồi thường cho anh K giá trị latop Acer là 1.500.000đ.

- Anh Trần Văn L và bị cáo thỏa thuận, bị cáo bồi thường cho anh L 4.800.000đ.

- Anh Nguyễn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và xác nhận anh L đã bồi thường cho anh B 12.000.000đ nên không yêu cầu gì trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phạm Thị Hoài N về tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N từ 06 đến 09 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bị cáo N phải bồi thường cho anh K 1.500.000đ và bồi thường cho anh L 4.800.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Vào khoảng 00 giờ ngày 09/12/2018, tại phòng số 3 nhà nghỉ Phương Linh, địa chỉ khu A, P2, TP. V, Phạm Thị Hoài N đã đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 9 trị giá 13.500.000đ, 01 laptop hiệu Acer trị giá 1.500.000đ và 01 sổ hộ chiếu của anh Nguyễn Quang K. Tổng giá trị tài sản N đã chiếm đoạt là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đông). Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của Phạm Thị Hoài N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người khác để lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên căn cứ điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Xử lý vật chứng: 01 ĐTDĐ và 01 hộ chiếu, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho cho anh K nên không xét đến.

[6] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thỏa thuận: Bị cáo N có nghĩa vụ bồi thường cho anh K 1.500.000đ và bồi thường cho anh L 4.800.000đ. Xét thấy sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản và mức hình phạt áp dụng là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Hoài N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường là (1.500.000đ + 4.800.000đ) x 5% = 315.000đ;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Hoài N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Phạm Thị Hoài N 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 24/12/2018.

2. Xử lý vật chứng: Không.

3. Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại và người có quền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bị cáo Phạm Thị Hoài N có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Quang K 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) và bồi thường cho anh Trần Văn L 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Bị cáo Phạm Thị Hoài N phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 315.000đ (Bay trăm mười lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. V;
- Công an TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Những người TGTT;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HOÀNG TRÍ THỨC